TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1865/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 9 - 2024
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Dư Tuyết Lạnh

Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Lang

2. Bà Bùi Thị Hòa Bình

Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Mai Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Phương Thảo – Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 2398/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 653/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Ngọc H

Địa chỉ: phường N, quận B, Thành phố C.

Chỗ ở hiện nay: Phường S, quận G, Thành phố C.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Diễm H1

Địa chỉ: Phường N, quận B, Thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 11 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phạm Ngọc H trình bày và yêu cầu: Ông và bà Nguyễn Thị Diễm H1 tìm hiểu sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2004 tại UBND Phường N, quận B, Thành phố C. Trong quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó giữa ông bà dần dần không tìm được tiếng nói chung trong mọi vấn đề. Vào khoảng tháng 7 năm 2021, ông không còn ở chung với bà H1, ông đã dọn về gia đình bên ông sống và ông bà đã ly thân từ đó cho đến nay. Trong suốt hơn 03 năm qua ngoài việc hàng tháng ông chuyển tiền để nuôi con ông không có bất cứ liên lạc nào khác với bà H1. Nay ông xét thấy tình cảm ông dành

cho bà H1 không còn ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà Nguyễn Thị Diễm H1.

- Về con chung: Có 02 con chung là trẻ Phạm Đức M, sinh ngày 09/09/2005 (Đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết) và trẻ Phạm Tiến M1, sinh ngày 12/01/2010. Ông H mong muốn trẻ Phạm Tiến M1 được mẹ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và sẽ cấp dưỡng 6.000.000 đồng/tháng cho đến khi trẻ 18 tuổi. Trường hợp bà H1 không đồng ý chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung, ông H sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Diễm H1 trình bày: Bà và ông Phạm Ngọc H đăng ký kết hôn ngày 09/11/2004. Bà cho rằng ông bà sống hạnh phúc, có hai con chung là Phạm Đức M, sinh ngày 09/09/2005 và Phạm Tiến M1, sinh ngày 12/01/2010. Công việc của ông, bà là công chức – viên chức nhà nước, ổn định, các con ngoan, học giỏi. Đến năm 2021, do tình hình covid 19, ông H là Công an nên hay vắng nhà. Trong thời gian đó, bà cho rằng ông H có quan hệ bất chính với một phụ nữ khác và bỏ nhà đi, không có sự thoả thuận hay đồng ý nào của bà và hai con kể từ tháng 7/2021. Tháng 11/2023 ông H nộp đơn ly hôn lên Toà án quận B mà bà không hề biết, với lý do ông, bà không tìm được tiếng nói chung trong suốt thời kỳ hôn nhân. Bà khẳng định: Ông bà chung sống hạnh phúc cho đến đầu năm 2021, trước khi ông H có người phụ nữ khác; các con của ông, bà được nuôi dưỡng khoẻ mạnh, ngoan ngoãn, được thầy cô quý mến, đạt nhiều thành tích tốt trong học tập nên không thể cho rằng các con không được nuôi dạy tốt. Ông, bà cùng nhau vun đắp cho gia đình từ 2004 đến đầu 2021, bà cho rằng từ tháng 7/2021 đến nay, ông H bỏ nhà đi chỉ một mình bà chăm sóc, dạy dỗ con nên có phần vất vả hơn. Vì vậy bà có ý kiến: Bà không đồng ý nội dung xin ly hôn của ông H là không tìm được tiếng nói chung trong suốt thời kỳ hôn nhân, mà cần ghi rõ ông H có người phụ nữ khác nên rời bỏ bà và các con. Bản thân bà luôn muốn vun vén tình cảm và hạnh phúc gia đình với ông H nên bà không đồng ý yêu cầu ly hôn của ông H.

- Về con chung: Có 02 con chung là trẻ Phạm Đức M, sinh ngày 09/09/2005 (Đã trưởng thành) và trẻ Phạm Tiến M1, sinh ngày 12/01/2010. Bà H1 yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Ông H phải có trách nhiệm chu cấp tài chính, ít nhất là 120.000.000 đồng/năm.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Phạm Ngọc H cho rằng vẫn giữ yêu cầu ly hôn với bà H1 vì trong suốt thời gian ly thân hơn 03 năm qua, ông bà đã không liên lạc với nhau, bản thân ông nhận thấy tình cảm dành cho bà H1 đã hết, không thể hàn gắn được với nhau nên ông kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà H1.

- Về con chung: Có 02 con chung là trẻ Phạm Đức M, sinh ngày 09/09/2005 (Đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết) và trẻ Phạm Tiến M1, sinh ngày 12/01/2010.

Ông yêu cầu giao trẻ Phạm Tiến M1 cho bà H1 là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và sẽ cấp dưỡng 10.000.000 đồng/tháng cho đến khi trẻ 18 tuổi. (Cấp dưỡng vào ngày 10 tây mỗi tháng).

- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Diễm H1 trình bày: Bà vẫn giữ yêu cầu là không đồng ý ly hôn với ông H, nhưng nếu Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông H cho bà và ông H ly hôn thì bà chấp nhận.

- Về con chung: Có 02 con chung là trẻ Phạm Đức M, sinh ngày 09/09/2005 (Đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết) và trẻ Phạm Tiến M1, sinh ngày 12/01/2010. Bà đồng ý là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là trẻ Tiến M1 và đồng ý mức cấp dưỡng 10.000.000 đồng/tháng cho đến khi trẻ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ Điều 51, Điều 55, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thu, nộp án phí, lệ phí;

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Phạm Ngọc H.

- Về con chung: Có 02 con chung là trẻ Phạm Đức M, sinh ngày 09/09/2005 (Đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết) và trẻ Phạm Tiến M1, sinh ngày 12/01/2010. Ông yêu cầu giao trẻ Phạm Tiến M1 cho bà H1 là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và sẽ cấp dưỡng 10.000.000 đồng/tháng cho đến khi trẻ 18 tuổi.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. (kèm theo bài phát biểu ngày 10 tháng 9 năm 2024).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

- Xét đơn khởi kiện của ông Phạm Ngọc H thì đây là vụ án về tranh chấp ly hôn. Hiện nay, bị đơn bà Nguyễn Thị Diễm H1 đang cư trú tại quận B, nên vụ án

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ theo giấy chứng nhận kết hôn số 162/2004 ngày 09/11/2004 tại UBND Phường N, quận B, Thành phố C cấp, cùng lời khai của ông H và bà Diễm H1 về việc các đương sự tự nguyện kết hôn, nên đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa ông H và bà Diễm H1 là hôn nhân hợp pháp.

Đối với yêu cầu xin ly hôn của ông H cho rằng trong quá trình chung sống hôn nhân giữa ông bà không tìm được tiếng nói chung trong mọi vấn đề. Từ tháng 7 năm 2021 ông đã dọn về nhà cha mẹ ruột ông để sống, từ đó đến nay ngoài việc chuyển tiền cấp dưỡng nuôi con ông và bà H1 đã không còn bất cứ liên lạc nào với nhau, qua các lần hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn vẫn kiên định cho rằng tình cảm dành cho bà H1 đã hết, không thể tiếp tục chung sống với bà H1. Bà H1 thừa nhận ông H đã dọn ra khỏi nhà bỏ mẹ con bà, không quan tâm đến cuộc sống của bà và các con, bà cho rằng ông H đã có người phụ nữ khác nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh, bản thân bà không muốn ly hôn với ông H, tại phiên tòa bà H1 cho rằng dù muốn đoàn tụ với ông H nhưng bà không đưa ra được phương án nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, bởi vì dù bà có đưa ra bất cứ phương án nào ông H cũng không chấp nhận quay về bên bà và các con. Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân chỉ đạt được mục đích trên cơ sở yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ các công việc trong gia đình, đó cũng là quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Ông H và bà Diễm H1 là hôn nhân hợp pháp nhưng ông bà trong cuộc sống lại không quan tâm chia sẽ chăm sóc nhau, bà H1 đã không còn tin tưởng ông H, ông H khẳng định không còn tình cảm với bà H1. Hiện ông bà đã ly thân hơn 03 năm nay. Những trình bày của ông H và bà Diễm H1 càng cho thấy giữa ông, bà không còn tôn trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm tổn thương tình cảm của nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc ông H yêu cầu được ly hôn với bà Diễm H1 là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về nuôi con chung: Có 02 con chung là trẻ Phạm Đức M, sinh ngày 09/09/2005 (Đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết) và trẻ Phạm Tiến M1, sinh ngày 12/01/2010. Ông H và bà H1 thỏa thuận bà H1 là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là trẻ Phạm Tiến M1 Thỏa thuận ông H sẽ cấp dưỡng nuôi con 10.000.000 đồng/tháng (cấp dưỡng vào ngày 10 tây mỗi tháng) cho đến khi trẻ Tiến M1 tròn 18 tuổi. Đây là sự thỏa thuận của các đương sự phù hợp với nguyện vọng của trẻ Tiến M1 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông H và bà H1 cùng trình bày các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng và án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng ông Phạm Ngọc H phải chịu (theo quy định

của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án).

Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Ngọc H về yêu cầu xin ly hôn với bà Nguyễn Thị Diễm H1.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Ngọc H được ly hôn với bà Nguyễn Thị Diễm H1 (Giấy chứng nhận kết hôn 162/2004 ngày 09/11/2004 tại tại UBND Phường N, quận B, Thành phố C cấp hết hiệu lực).

- Về con chung: Có 02 con chung là trẻ Phạm Đức M, sinh ngày 09/09/2005 (Đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết) và trẻ Phạm Tiến M1, sinh ngày 12/01/2010. Ông H và bà H1 thỏa thuận bà H1 là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là trẻ Phạm Tiến M1. Thỏa thuận ông H sẽ cấp dưỡng nuôi con 10.000.000 đồng/tháng (cấp dưỡng vào ngày 10 tây hàng tháng) cho đến khi trẻ Tiến M1 tròn 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông Phạm Ngọc H có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên hội đồng xét xử không xét.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng ông Phạm Ngọc H phải chịu nhưng được cấn trừ án phí ly hôn vào tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0029162 ngày 11/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận B, Thành phố C. Ông H còn phải chịu 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q. Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Q.Bình Thạnh;
-UBND Phường 25, Q. Bình Thạnh, TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dư Tuyết Lạnh